

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **103/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/3/2019

V/v tranh chấp “không công nhận vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị L, sinh năm 1984. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 116/2, ấp TQ, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn N, sinh năm 1984. (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 116/2, ấp TQ, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 22/02/2019 nhưng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/01/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị L trình bày:

Vào năm 1999 chị L và anh Nguyễn Văn N có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của họ hàng hai bên, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống có 04 con chung tên: Nguyễn Trung H, sinh ngày 25/11/2000; Nguyễn Trung G, sinh ngày 19/10/2001; Nguyễn Trung N, sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/5/2018.

Nguyên nhân chị L có yêu cầu Tòa án không công nhận chị L và anh N là vợ chồng là vì trong thời gian sống chung anh N có hành vi đánh đập chị L, chị L nhiều lần cho ông N cơ hội để sửa đổi nhưng không thay đổi.

Chị L biết việc sống chung với anh N không có đăng ký kết hôn là vi phạm luật Hôn nhân và gia đình và nhận thấy tình cảm của chị L và anh N không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu không công nhận chị L và anh N là vợ chồng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng chị L không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Nguyễn Trung H, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án xem xét.

Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung G, sinh ngày 19/10/2001; Nguyễn Trung N, sinh ngày 10/4/2009. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị L đồng ý để anh N được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/5/2018 chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu.

Bị đơn Nguyễn Văn N có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 12/02/2019, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 22/02/2019, trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh N trình bày:

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị L về thời gian cưới nhau, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn lại được, hai bên đã ly thân.

Việc chị L yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị L là vợ chồng thì anh đồng ý.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng anh N không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Nguyễn Trung H, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án xem xét.

Anh N đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung G, sinh ngày 19/10/2001; Nguyễn Trung N, sinh ngày 10/4/2009. Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh N đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/5/2018, anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Thẩm quyền giải quyết:** Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Nguyễn Văn N, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về tố tụng:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn N có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân không hợp pháp và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do việc sống chung không mang lại hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, hiện chị L và anh N đã không còn tiếp tục sống chung nên chị L yêu cầu không công nhận

chị và anh N là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị L, không công nhận chị L và anh N là vợ chồng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về nuôi con chung*: Hai bên thống nhất quyền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận như sau:

Nguyễn Trung H, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung G, sinh ngày 19/10/2001; Nguyễn Trung N, sinh ngày 10/4/2009 (theo nguyện vọng của 02 cháu Trung G và Trung N). Anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh N được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/5/2018, chị L không cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 228, 238, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Nguyễn Trung H, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung G, sinh ngày 19/10/2001; Nguyễn Trung N, sinh ngày 10/4/2009. Anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh N được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/5/2018, chị L không cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0021657 ngày 25/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí chị L đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự đề yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết